TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 948/2023/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 29 tháng 9 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc dân sự thụ lý số: 776/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2023 về việc "yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" giữa các đương sự sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Phạm Tấn N, sinh năm 1976.

Địa chỉ: 5 đường B, khu phố I, phường H, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Bùi Thị D, sinh năm 1988.

Địa chỉ: A Đường số C, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014 do UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/5/2014, ông Phạm Tấn N và bà Bùi Thị D là vợ chồng hợp pháp. Nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn N và bà Bùi Thị D thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông bà khai nhận có 02 con chung tên Phạm Huy K, sinh ngày 16/6/2016 và Phạm Huy K1, sinh ngày 21/2/2018. Ông bà thỏa thuận sau ly hôn con chung tên Phạm Huy K, sinh ngày 16/6/2016 giao bà Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và Phạm Huy K1, sinh ngày 21/2/2018 giao ông Phạm Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D khai không có.

[3] Về lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Tấn N và bà Bùi Thị D thỏa thuận cùng chịu

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải và đoàn tụ không thành không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Tấn N và bà Bùi Thị D thuận tình ly hôn (Ông N và bà D kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 28/2014 do UBND phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên cấp ngày 15/5/2014).

- Về con chung: Ông N và bà D có 02 con chung tên Phạm Huy K, sinh ngày 16/6/2016 và Phạm Huy K1, sinh ngày 21/2/2018. Ông N và bà D thỏa thuận: con chung tên Phạm Huy K, sinh ngày 16/6/2016 giao bà Bùi Thị D trực tiếp nuôi dưỡng và Phạm Huy K1, sinh ngày 21/2/2018 giao ông Phạm Tấn N trực tiếp nuôi dưỡng. Các bên không cấp dưỡng nuôi con chung, do ông bà không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông N và bà D khai không có.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Phạm Tấn N và bà Bùi Thị Diễm c, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông N và bà D đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0023597 ngày 12/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND phường Xuân Yên, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Trí